

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hải Y - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Phạm Xuân T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên ngày 05/11/2002. Sau kết hôn anh chị được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo

phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian **đến khoảng ba năm gần đây** thì nảy sinh mâu thuẫn, thời gian đầu mâu thuẫn chưa lớn lắm, sau đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng chị ngày càng không có tiếng nói chung, quan điểm sống không hoà hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt ngày một lớn, anh không quan tâm đến vợ con. Do đó, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hóa giải được. Hiện không ai quan tâm đến ai nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Phạm Xuân T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 và Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009.

Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Còn con Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị H xác định giữa chị và anh T đã tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định vợ chồng kết hôn là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T vào ngày 05/11/2002. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thi thoảng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ của vợ chồng. Nguyên nhân chị H xin ly hôn theo anh có lẽ cũng là do anh có khoản nợ lớn nên vợ chồng có những bất hoà.

Nay quan điểm cá nhân của anh là không đồng ý ly hôn nhưng anh tôn trọng ý kiến của chị H, tôn trọng quyết định của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 và Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009.

Trường hợp phải ly hôn, anh tôn trọng ý kiến lựa chọn của các con, các con mong muốn ở với ai anh nhất trí với lựa chọn của con.

Còn con Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét. Con chung Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Xuân T và đề nghị giải quyết về nuôi con chung. Do đó, đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn anh Phạm Xuân T cư trú tại: phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị H lý do chị xin ly hôn với anh T là do vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung, quan điểm sống không hoà hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt ngày một lớn, đặc biệt kể từ khoảng ba năm trở lại đây. Do

đó, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hóa giải được. Hiện không ai quan tâm đến ai nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình giải quyết anh T cũng thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng là do bản thân anh có khoản nợ khiến chị H cho rằng quan điểm sống của hai người không phù hợp. Bản thân anh cũng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì phù hợp để thuyết phục chị H. Đồng thời, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh cũng xác định tôn trọng ý kiến chị H, anh cũng không có phương pháp gì để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung:

Chị Vũ Thị H và anh Phạm Xuân T có hai con chung là: Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 và Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh T cũng có quan điểm anh tôn trọng quyết định của các con, nếu con muốn sống với mẹ sau khi anh chị ly hôn thì anh nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Phạm Gia Q1 cũng đã trình bày nguyện vọng cháu mong muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Phạm Gia Q1, bản thân cháu Q1 muốn được ở với mẹ, anh T có ý kiến nhất trí với lựa chọn của các con, nếu các con lựa chọn ở cùng với ai sau khi bố mẹ ly hôn anh tôn trọng ý kiến các con. Hiện nay, chị H, anh T đều có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên căn cứ vào nguyện vọng, ý kiến của các bên, hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

giải quyết. Về quyền thăm nom con: Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Đối với con chung Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị H, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị H, cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Gia Q1, sinh ngày 24/11/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Đối với con chung Phạm Vũ Q, sinh ngày 03/11/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000772 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị H), bị đơn (anh T) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường Quan Triều;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang